

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN THỰC HIỆN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước
quốc gia, giai đoạn đến năm 2025”

**TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA TỈNH, THÀNH
PHỐ**

ST T	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Số lượng nguồn nước mặt			
1.1	Sông, suối, kênh, rạch	nguồn nước		
1.2	Hồ, ao, đầm, phá			
2	Lượng nước mặt			
2.1	Tổng lượng dòng chảy	triệu m ³		
-	Tháng 1			
-	Tháng 2			
-				
-	Tháng 12			
2.2	Tổng dung tích các hồ chứa	triệu m ³		
3	Chất lượng nước mặt (chỉ số chất lượng nước tổng hợp WQI)			
3.1	Tổng số điểm phân tích	điểm		

-	Rất tốt (giá trị WQI từ 91 đến 100)			
-	Tốt (giá trị WQI từ 76 đến 90)			
-	Trung bình (giá trị WQI từ 51 đến 75)			
-	Kém (giá trị WQI từ 26 đến 50)			
-	Ô nhiễm nặng (giá trị WQI từ 10 đến 25)			
-	Ô nhiễm rất nặng (giá trị WQI < 10)			
4	Khai thác, sử dụng nước mặt			
4.1	Số lượng công trình			
-	Hồ chứa	công trình		
-	Đập dâng			
-	Trạm bơm			
-	Cống			
-	Nhà máy nước			
-	Khác...			
4.2	Lượng nước khai thác, sử dụng			
-	Tưới	m ³ /giây		
-	Phát điện	KW		
-	Kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp	m ³ /ngày y		
-	Khác...	m ³ /ngày y		
5	Xả nước thải vào nguồn nước			

5.1	Số lượng công trình			
-	Sản xuất công nghiệp	công trình		
-	Sinh hoạt			
-	Khác...			
5.2	Tổng lượng nước thải			
-	Sản xuất công nghiệp	m ³ /ngày y		
-	Sinh hoạt			
-	Khác...			

..... ngày.....tháng.....năm 20...

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cơ quan thực hiện
(Ký, đóng dấu, họ tên)